

|   |   |                               |
|---|---|-------------------------------|
| - HS đọc ghi nhớ<br>-Liên hệ thực tế GD:<br>-Thực hiện các việc làm kính trọng và biết ơn người lao động. |   |                               |
| <b>5. Dặn dò</b> Về nhà học bài<br>- Chuẩn bị : Lịch sự với mọi người                                     | 1 | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm |

\*\*\*\*\*

**TẬP LÀM VĂN**  
**TIẾT 40 : MIÊU TẢ ĐỒ VẬT.**  
(Kiểm tra viết )

**I/ MỤC TIÊU :**

**1 .Kiến thức**

- Học sinh thực hành viết hoàn chỉnh một bài văn miêu tả đồ vật đúng với yêu cầu của đề, có đủ ba phần ( mở bài , thân bài , kết bài ) , diễn đạt thành câu rõ ý , lời văn sinh động , tự nhiên .

**2. Kỹ năng:** Trình bày bài văn miêu tả đồ vật

**3. Thái độ:**

- HS yêu thích có hứng thú tìm hiểu Tiếng Việt.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

-Thầy: Bảng phụ chép sẵn dàn ý chung của bài văn tả đồ vật, phấn màu, phiếu...

-Trò: SGK, bút, vở, ...

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

| <b>Hoạt động của giáo viên</b>  | <b>TG</b> | <b>Hoạt động của học sinh</b>  |
|---|-----------|--|
| <b>1. Ôn định tổ chức lớp</b>   | 1         | Chuẩn bị đồ dùng học tập   |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br><b>Luyện tập xây dựng kết bài trong bài văn miêu tả đồ vật.</b><br>- Gọi HS nhắc lại hai dạng kết bài đã học?<br>- Nhận xét  | 2         | 2 HS nhắc lại  |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Giới thiệu bài</b><br><b>Miêu tả đồ vật (kiểm tra viết )</b>  | 1         | HS nghe và ghi tên bài   |
| <b>3.2 Bài mới:</b><br><b>* GV chép đề bài lên bảng:</b><br><br><b>*Hướng dẫn, gợi ý:</b><br>-Cho HS nêu một số đồ dùng học tập, chọn đồ dùng em yêu thích nhất.<br>-Yêu cầu HS nêu lại bố cục bài văn tả đồ vật .<br><br>-GV yêu cầu HS cho biết nội dung của từng phần.<br>-GV nhận xét và ghi lại dàn ý chung bài văn tả đồ vật: | 33-<br>34 | -HS đọc to đề bài<br><b>Đề bài: Em hãy tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích nhất.</b><br>- Vài HS phát biểu cá nhân ( bút, thước kẻ, bút chì gồm,...)<br>- Bài văn gồm có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài<br>- HS nêu<br><br>Vài HS nhắc lại |

|  |   |                               |
|--|---|-------------------------------|
| <p><b>1-Mở bài:</b>Giới thiệu đồ vật được tả</p> <p><b>2-Thân bài:</b></p> <p>a)<b>Tả bao quát</b> : (tả bên ngoài)</p> <ul style="list-style-type: none"><li>-Hình dáng</li><li>-Kích thước</li><li>-Màu sắc</li><li>-Chất liệu, cấu tạo</li></ul> <p>b)<b>Tả từng bộ phận</b> (tả chi tiết)</p> <p><b>3-Kết luận:</b></p> <p>Nêu cảm nghĩ đối với đồ vật đã tả(tình cảm, giữ gìn đồ vật)</p> <p>*Học sinh làm bài:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>-GV nhắc nhở HS trước khi làm bài.</li><li>-HS làm vào giấy kiểm tra.</li><li>*GV thu bài, nhận xét chung giờ học .</li></ul> |   | Hs làm bài                    |
| <p><b>4. Củng cố</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>-GV nhận xét chung tiết học .</li></ul>   | 1 | HS nêu dàn ý                  |
| <p><b>5. Dặn dò</b> Chuẩn bị bài : Luyện tập giới thiệu địa phương</p>   | 1 | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm |

\*\*\*\*\*

## TOÁN

### TIẾT 99: LUYỆN TẬP

#### I - MỤC TIÊU :

##### 1. Kiến thức

HS :Biết đọc, viết phân số

Biết quan hệ giữaphép chia số tự nhiên và phân số

**2. Kỹ năng:** - Củng cố một số hiểu biết ban đầu về phân số; đọc, viết phân số; quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số.

Biết so sánh độ dài một đoạn thẳng bằng mấy phần độ dài một đoạn thẳng khác (trường hợp đơn giản).

**3. Thái độ:**

- HS có tính cẩn thận vận dụng vào cuộc sống

**II - ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Bảng phụ, phiếu học tập

HS: SGK, bảng con

**III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

| Hoạt động của giáo viên  | TG | Hoạt động của học sinh  |
|--|----|---|
| <b>1. Ôn định tổ chức lớp</b>  | 1  | Học sinh hát<br>Chuẩn bị đồ dùng học tập  |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br><b>Phân số và phép chia số tự nhiên (TT)</b><br>Gọi HS lên bảng làm lại bài 3<br>-Khi nào phân số bé hơn 1? Khi nào phân số bằng 1? Khi nào phân số lớn hơn 1?<br>GV nhận xét | 5  | 3 hs chữa bài<br>hs nhận xét đánh giá   |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Giới thiệu bài Luyện tập</b>   | 1  | HS nghe và ghi tên bài  |
| <b>3.2 Thực hành :</b><br><b>Bài tập1:</b><br>Gọi HS đọc yêu cầu bài<br>Yêu cầu HS làm miệng<br><br>- GV cùng HS sửa bài - nhận xét  | 30 | HS đọc yêu cầu bài nối tiếp nhau đọc từng số đo đại lượng<br>+ $\frac{1}{2}$ kg đọc là: một phần hai ki-lô- gam.<br>+ $\frac{5}{8}$ m đọc là : năm phần tám mét.<br>+ $\frac{19}{12}$ giờ đọc là: Mười chín phần mười hai giờ.<br>+ $\frac{6}{100}$ m đọc là : Sáu phần một trăm mét. |
| <b>Bài tập2:</b><br>Gọi HS đọc yêu cầu bài<br>Yêu cầu HS tự viết các phân số theo yêu cầu SGK vào bảng con.<br>- GV theo dõi nhận xét  |    | HS đọc yêu cầu bài, làm bài trên bảng con<br>$\frac{1}{4}$ ; $\frac{6}{10}$ ; $\frac{18}{85}$ ; $\frac{72}{100}$ .  |
| <b>Bài tập 3:</b><br>Gọi HS đọc yêu cầu bài<br>Bài tập yêu cầu ta điều gì?<br><b>Yêu cầu HS</b> tự làm bài vào vở nháp sau đó đổi chéo vở kiểm tra nhau.   |    | HS đọc yêu cầu bài<br>- Viết số tự nhiên dưới dạng phân số có mẫu số bằng 1<br>HS làm bài theo yêu cầu của GV.<br>$8 = \frac{8}{1}$ ; $14 = \frac{14}{1}$ ; $32 = \frac{32}{1}$ ;   |

|   |   |  |
|---|---|--|
|   |   | $0 = \frac{0}{1} \quad 1 = \frac{1}{1}$  |
| <b>Bài tập 4:</b><br>Gọi HS đọc yêu cầu bài<br>Yêu cầu HS làm bài vào vở<br><br>- GV chấm một số vở – nhận xét. |   | Gọi HS đọc yêu cầu bài và làm bài vào vở.<br>a) Phân số bé hơn 1: $\frac{3}{4}; \frac{1}{4}; \frac{6}{10}; \frac{18}{85}$<br>b) Phân số bằng 1: $\frac{24}{24}; \frac{23}{23};$<br>c) ) Phân số lớn hơn 1: $\frac{7}{5}; \frac{19}{17}; \frac{5}{3}$ |
| <b>4. Củng cố</b><br>- Nêu đặc điểm phân số lớn hơn 1 , nhỏ hơn 1 , bằng 1<br>- Nhận xét tiết học               | 3 | hs lấy ví dụ minh họa  |
| <b>5. Dặn dò .</b> Về nhà học bài và làm bài 5<br>Chuẩn bị bài : <b>Phân số bằng nhau</b>                       | 1 | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm  |

\*\*\*\*\*

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### TIẾT 40: MỞ RỘNG VỐN TỪ: SỨC KHOẺ.

#### **I - MỤC TIÊU**

##### **1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ nói về sức khỏe của con người và tên một số môn thể thao ; nắm được một số thành ngữ , tục ngữ liên quan đến sức khỏe .

##### **2. Kỹ năng:**

- Học sinh thuộc một số thành ngữ, tục ngữ liên quan đến sức khỏe

- HS có vốn từ ngữ vận dụng vào cuộc sống.

**3. Thái độ:**

- HS ham tìm hiểu Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV: Từ điển và 4, 5 tờ giấy to làm bài tập 2, 3.

HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

| Hoạt động của giáo viên  | TG | Hoạt động của học sinh   |
|--|----|--|
| <b>1. Ôn định tổ chức lớp</b>  | 1  | Chuẩn bị đồ dùng học tập   |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br>Yêu cầu 2 HS đọc đoạn văn kể về công việc làm trực nhật của tổ em và chỉ rõ các câu kể <i>Ai làm gì?</i> có trong đoạn văn<br>GV nhận xét   | 5  | 2 HS đọc bài<br><br>HS cả lớp theo dõi nhận xét  |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Giới thiệu bài: Mở rộng vốn từ Sức khỏe</b>  | 1  | HS nghe và ghi tên bài   |
| <b>3.2 Hướng dẫn làm bài tập</b><br><b>Bài tập 1:</b><br>+ Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1<br>+ Yêu cầu HS làm việc theo nhóm, thảo luận để tìm nhanh các từ ngữ chỉ những hoạt động có lợi cho sức khỏe và đặc điểm một cơ thể khỏe mạnh.<br><br>- GV sửa bài, tuyên dương nhóm tìm được nhiều từ đúng | 8  | - 1 HS đọc yêu cầu bài.<br>- Đại diện nhóm trình bày kết quả.<br><b>a/ Từ ngữ chỉ hoạt động có lợi cho sức khỏe:</b> tập luyện, tập thể dục, đi bộ, chơi thể thao, đá bóng, chơi bóng chuyền, chơi cầu lông, nhảy dây, nhảy ngựa, nhảy xa, đấu vật, ăn uống điều độ, nghỉ ngơi, an dưỡng, nghỉ mát, du lịch, giải trí...<br><b>b/ Từ ngữ chỉ đặc điểm của một cơ thể khỏe mạnh:</b> vạm vỡ, lực lưỡng, cân đối, rắn rỏi, rắn chắc, săn chắc, chắc nịch, cường tráng, dẻo dai, nhanh nhẹn,... |
| <b>Bài tập 2:</b><br>- Yêu cầu HS đọc đề bài<br>- Yêu cầu mỗi HS tự tìm từ ngữ chỉ tên các môn thể thao.<br>GV viết nhanh lên bảng.<br><br>GV cùng HS nhận xét sửa sai   | 7  | - HS đọc yêu cầu bài tập.<br>- HS nối tiếp nhau nêu tên các môn thể thao: <b>bóng đá, bóng chuyền, bóng chày, bóng bầu dục, cầu lông, ten-nis, chạy, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ, bắn súng, bơi, đấu vật, đấu kiếm, đấm bốc, cử tạ, xà đơn, xà kép, nhảy ngựa, trượt tuyết, leo núi, đua mô-tơ, cờ vua, cờ tướng, lướt ván, đua xe đạp, võ wushu, võ karate, võ teakwondo, ...</b>   |
| <b>Bài tập 3</b><br>Gọi HS đọc yêu cầu bài<br>Yêu cầu HS lên bảng điền từ  | 7  | - HS đọc yêu cầu bài.<br>- Cả lớp đọc thầm, HS xung phong lên bảng điền từ để hoàn chỉnh câu thành ngữ.<br>+ Khỏe như <b>trâu</b> .<br>+ Khỏe như <b>hùm</b> .<br>+ Khỏe như <b>voi</b> ...<br>+ Nhanh như <b>cắt</b> .  |

|  |   |   |
|--|---|---|
| GV nhận xét sửa sai  |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhanh như <b>gió</b></li> <li>+ Nhanh như <b>điện</b>.</li> <li>+ Nhanh như <b>chớp</b>.</li> </ul>  |
| <p><b><u>Bài tập 4</u></b><br/>                 GV gợi ý cho HS trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người “ không ăn không ngủ được” là người như thế nào”</li> <li>- Không ăn được khổ như thế nào?</li> <li>- Người ăn được ngủ được là người như thế nào?</li> </ul> <p>Vậy câu thành ngữ này muốn nói lên điều gì ?</p> <p><b><u>GV chốt ý.</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ăn được ngủ được nghĩa là người có sức khỏe tốt.</li> <li>- Có sức khỏe tốt sung sướng chẳng kém gì tiên.</li> </ul> | 5 | <ul style="list-style-type: none"> <li>1- 2 HS đọc đề</li> <li>- HS nêu ý kiến.</li> <li>- Là người không khỏe</li> </ul> <p>HS trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là người có sức khỏe tốt</li> </ul><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu- Ăn được ngủ được nghĩa là người có sức khỏe tốt.</li> <li>- Có sức khỏe tốt sung sướng chẳng kém gì tiên.</li> </ul> |
| <p><b>4. Cũng cố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh đọc thuộc các câu thành ngữ , tục ngữ .</li> <li>- Tìm thêm các câu thành ngữ , tục ngữ nói về sức khỏe</li> <li>- Liên hệ GD: Biết giữ gìn sức khỏe của bản thân, mọi người thân trong gia đình</li> <li>- Nhận xét giờ học</li> </ul>   | 3 | <p>hs thi đọc</p> <p>hs thi tìm thành ngữ tục ngữ</p>   |
| <p><b>5. Dặn dò</b><br/>                 Về nhà học bài</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài: <b>Câu kể Ai thế nào?</b></li> </ul>  | 1 | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm   |



## KĨ THUẬT

### TIẾT 20: VẬT LIỆU VÀ DỤNG CỤ TRỒNG RAU, HOA

#### I/ **MỤC TIÊU:**

##### 1. Kiến thức

-HS biết được đặc điểm, tác dụng của một số vật liệu, dụng cụ thường dùng để gieo trồng, chăm sóc rau, hoa.

**2. Kỹ năng:**-Biết cách sử dụng một số dụng cụ lao động trồng rau, hoa đơn giản \_\_\_\_\_

**3. Thái độ:**

-Có ý thức giữ gìn, bảo quản và bảo đảm an toàn lao động khi dùng dụng cụ gieo trồng rau hoa.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:**

-Mẫu: hạt giống, một số loại phân hoá học, phân vi sinh, cuốc, cào, vò đập đất, dầm xới, bình có vòi hoa sen, bình xịt nước.

**III/CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

| <b>Hoạt động của giáo viên</b>  | <b>TG</b> | <b>Hoạt động của học sinh</b>   |
|---|-----------|---|
| <b>1. Ổn định tổ chức lớp</b>   | 1         | Chuẩn bị đồ dùng học tập  |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br>Kiểm tra dụng cụ học tập của HS  | 5         |   |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Giới thiệu bài</b>  | 1         | HS nghe và ghi tên bài  |
| <b>3.2* Hoạt động 1:</b><br><b>GV HD tìm hiểu những vật liệu chủ yếu được sử dụng khi gieo trồng rau, hoa.</b><br>-Hướng dẫn HS đọc nội dung 1 SGK.Hỏi:<br>+Em hãy kể tên một số hạt giống rau, hoa mà em biết?<br>+Ở gia đình em thường bón những loại phân nào cho cây rau, hoa?<br>+Theo em, dùng loại phân nào là tốt nhất?<br>-GV nhận xét và bổ sung phần trả lời của HS  | 5         | HS đọc nội dung SGK.<br><br>HS kể: rau muống, rau dền, rau đay, rau cải, rau mồng tơi, . . .<br>-Phân chuồng, phân xanh, phân vi sinh, phân đạm, lân, kali....<br>-HS trả lời.<br>-HS lắng nghe.  |
| <b>* Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu các dụng cụ gieo trồng, chăm sóc rau,hoa.</b><br>-GV hướng dẫn HS đọc mục 2 SGK và yêu cầu HS trả lời các câu hỏi về đặc điểm, hình dạng, cấu tạo, cách sử dụng thường dùng để gieo trồng, chăm sóc rau, hoa.<br><b>* Cuốc:</b><br>+ Em cho biết lưỡi và cán cuốc thường được làm bằng vật liệu gì?<br>+ Cuốc được dùng để làm gì ?<br><b>* Dầm xới:</b><br>+ <b>Lưỡi và cán dầm xới làm bằng gì ?</b><br>+Dầm xới được dùng để làm gì ?<br><br><b>* Cào:</b> có hai loại: cào sắt và cào gỗ.<br>- <b>Cào gỗ:</b> cán và lưỡi làm bằng gỗ<br>- <b>Cào sắt:</b> Lưỡi làm bằng sắt, cán làm bằng gỗ.<br>+ Hỏi: Theo em cào được dùng để làm gì?<br><br><b>* Vò đập đất:</b><br>-Quả vò và cán vò làm bằng gì?<br>+Hỏi: Quan sát H.4b, em hãy nêu cách cầm vò đập đất?<br><b>* Bình tưới nước:</b> có hai loại: Bình có vòi | 20        | HS xem tranh cái cuốc SGK.<br>-Cán cuốc làm bằng gỗ, lưỡi cuốc làm bằng sắt.<br>-Dùng để cuốc đất, lên luống, vun xới.<br><br>-Lưỡi dầm làm bằng sắt, cán bằng gỗ.<br>-Dùng để xới đất và đào hốc trồng cây.<br>-HS xem tranh trong SGK.<br><br>-Dùng để san phẳng mặt ruộng, vơ sạch cỏ, đá, sỏi, . . .<br><br>+ Quả vò và cán vò làm bằng tre hoặc gỗ.<br>-HS nêu - HS khác nhận xét. |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <p>hoa sen, bình xịt nước.<br/>                 +Hỏi: Quan sát H.5, Em hãy gọi tên từng loại bình?<br/>                 +Bình tưới nước thường được làm bằng vật liệu gì?<br/>                 -GV nhắc nhở HS phải thực hiện nghiêm túc các quy định về vệ sinh và an toàn lao động khi sử dụng các dụng cụ ...<br/>                 -GV bổ sung : Trong sản xuất nông nghiệp người ta còn sử dụng công cụ: cày, bừa, máy cày, máy bừa, máy làm cỏ, hệ thống tưới nước bằng máy phun mưa ... Giúp công việc lao động nhẹ nhàng hơn, nhanh hơn và năng suất cao hơn.</p> |   | <p>-HS quan sát H5 trả lời.<br/>                 -Bình tưới nước thường được làm bằng sắt hoặc nhựa.<br/>                 -HS lắng nghe.</p> |
| <p><b>4. Cũng cố</b><br/>                 Kể tên vsật liệu trồng rau , hoa<br/>                 Nhận xét tinh thần thái độ học tập của HS.</p>   | 2 | H S nêu  |
| <p><b>5. Dặn dò</b><br/>                 Hướng dẫn HS đọc trước bài “<b>Điều kiện ngoại cảnh của cây rau, hoa</b>”.</p>  | 1 | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm  |

\*\*\*\*\*

## TOÁN

### TIẾT 100: PHÂN SỐ BẰNG NHAU

#### I - MỤC TIÊU :

##### 1. Kiến thức :

- Bước đầu nhận biết tính chất cơ bản của phân số .
- Bước đầu nhận ra sự bằng nhau của hai phân số.

##### 2. Kỹ năng: So sánh các phân số và tìm được các phân số bằng nhau

##### 3. Thái độ:

- HS có tính cẩn thận, vận dụng vào cuộc sống

#### II - DAY ĐỒ DÙNG DAY HỌC

GV: bảng phụ, phiếu học tập

HS: SGK, bảng con

#### III - CÁC HOẠT ĐỘNG DAY- HỌC

| Hoạt động của giáo viên  | TG | Hoạt động của học sinh                   |
|--|----|--|
| <b>1. Ôn định tổ chức lớp</b>  | 1  | Học sinh hát<br>Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br>Gọi HS lên làm lại bài 2<br>GV nhận xét           | 4  | 2 học sinh chữa bài                      |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Hoạt động 1 Giới thiệu bài : Phân số bằng nhau</b> | 1  | HS nghe và ghi tên bài                   |



|   |    |  |
|---|----|--|
| <p><b>3.2Hoạt động 2: HD HS nhận biết</b> <math>\frac{3}{4} = \frac{6}{8}</math> và tự nêu được tính chất cơ bản của phân số.</p> <p>GV dán lên bảng 2 băng giấy như SGK.</p> <p>-Em có nhận xét gì về hai băng giấy?</p> <p>-Băng thứ nhất được chia làm mấy phần? Đã tô màu mấy phần?</p> <p>-</p> <p>-Băng thứ hai được chia làm mấy phần? Đã tô màu mấy phần?</p> <p>-so sánh <math>\frac{3}{4}</math> băng giấy và <math>\frac{6}{8}</math> băng giấy</p> <p>GV kết luận ghi bảng : <math>\frac{3}{4} = \frac{6}{8}</math></p> <p>- Làm thế nào để từ phân số <math>\frac{3}{4}</math> thành phân số <math>\frac{6}{8}</math> và phân số <math>\frac{6}{8}</math> thành phân số <math>\frac{3}{4}</math>?</p> <p>- GV rút ra tính chất cơ bản của phân số :<br/> <b>+ Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.</b><br/> <b>+ Nếu cả tử và mẫu số của một phân số cùng chia hết cho một số tự nhiên khác 0 thì sau khi chia ta được một phân số bằng phân số đã cho.</b></p> | 13 | <p>HS quan sát.</p> <p>- HS nêu: Hai băng giấy bằng nhau.</p> <p>+ Băng thứ nhất được chia làm 4 phần bằng nhau. Đã tô màu <math>\frac{3}{4}</math> băng giấy.</p> <p>+ Băng thứ hai được chia làm 8 phần. Đã tô màu <math>\frac{6}{8}</math> băng giấy.</p> <p>+ <math>\frac{3}{4}</math> băng giấy bằng <math>\frac{6}{8}</math> băng giấy</p> <p>- Nhân cả tử số và mẫu số với cùng một số tự nhiên khác không<br/> <math>\frac{3}{4} = \frac{3 \times 2}{4 \times 2} = \frac{6}{8}</math> ; <math>\frac{6}{8} = \frac{6 : 2}{8 : 2} = \frac{3}{4}</math></p> <p>- Vài HS nhắc lại.</p> |
| <p><b>Hoạt động 3: Thực hành.</b></p> <p><b>Bài tập1:</b></p> <p>Yêu cầu HS đọc đề bài tập 1</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài vào vở nháp và đọc kết quả.</p> <p>- GV cùng HS nhận xét</p>  | 17 | <p>HS đọc đề bài tập 1, làm bài vào vở nháp và đọc kết quả</p> $\frac{2}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15} \quad \frac{4}{7} = \frac{4 \times 2}{7 \times 2} = \frac{8}{14}$ $\frac{3}{8} = \frac{3 \times 4}{8 \times 4} = \frac{12}{32} \quad \frac{6}{15} = \frac{6 : 3}{15 : 3} = \frac{2}{5}$ $\frac{15}{35} = \frac{15 : 5}{35 : 5} = \frac{3}{7} \quad \frac{48}{16} = \frac{48 : 8}{16 : 8} = \frac{6}{2}$   |
| <p><b>Bài tập 2:</b></p> <p>Yêu cầu HS đọc đề bài và làm bài vào vở</p> <p>Thu chấm 5 bài và nhận xét</p>   |    | <p>HS làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm</p> <p>a) <math>18 : 3</math> và <math>(18 \times 4) : (3 \times 4)</math><br/> <math>18 : 3 = 6</math>      <math>(18 \times 4) : (3 \times 4)</math><br/> <math>= 72 : 12</math><br/> <math>= 6</math><br/> <b>→ <math>18 : 3 = (18 \times 4) : (3 \times 4)</math></b></p> <p>b) <math>81 : 9</math> và <math>(81 : 3) : (9 : 3)</math><br/> <math>81 : 9 = 9</math>      <math>(81 : 3) : (9 : 3)</math></p>   |

|   |   |   |
|---|---|---|
| - Yêu cầu HS tự làm rồi nêu nhận xét của từng phần a), b) hoặc nêu nhận xét gộp cả hai phần a), và b) như SGK   |   | $= 27 : 3$ $= 9$ $\rightarrow 81 : 9 = (81 : 3) : (9 : 3)$ HS đọc lại phần nhận xét.  |
| <b>GV rút ra nhận xét SGK</b>   |   |   |
| <b>Bài tập 3:</b><br>Yêu cầu HS đọc đề bài tập<br>Yêu cầu HS tự làm bài vào vở  |   | HS đọc đề bài tập 3 và làm bài vào vở.<br><br>$a/ \frac{50}{75} = \frac{10}{15} = \frac{2}{3}$ $b/ \frac{3}{5} = \frac{6}{10} = \frac{9}{15} = \frac{12}{20}$ |
| - GV chấm một số vở – nhận xét  |   |   |
| <b>4. Củng cố</b><br>- Gọi HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số?<br>Liên hệ GD: HS có tính cẩn thận vận dụng vào cuộc sống<br>- Nhận xét tiết học | 3 | 2 hs nhắc lại   |
| <b>5. Dặn dò</b> Về nhà học bài.<br>Chuẩn bị bài sau: <b>Rút gọn phân số</b>  | 1 | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm   |

\*\*\*\*\*

**TẬP LÀM VĂN**  
**TIẾT 40 : LUYỆN TẬP GIỚI THIỆU ĐỊA PHƯƠNG .**

**I - MỤC TIÊU :**

**1.Kiến thức:**

- Học sinh nắm được cách giới thiệu về địa phương qua bài văn mẫu Nét mới ở Vĩnh Sơn

**2.Kĩ năng:**

- Bước đầu biết quan sát và trình bày được những đổi mới nơi các em sinh sống.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức đối với công việc xây dựng quê hương .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

GV: Bảng phụ, phiếu học tập

HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

| Hoạt động của giáo viên  | TG | Hoạt động của học sinh   |
|--|----|--------------------------|
| <b>1. Ổn định tổ chức lớp</b>  | 1  | Chuẩn bị đồ dùng học tập |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br>Bài văn miêu tả đồ vật gồm mấy phần ? Nội dung của từng phần<br>GV nhận xét | 5  | HS trả lời               |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Giới thiệu bài: Luyện tập giới thiệu địa phương</b>                          | 1  | HS nghe và ghi tên bài   |
| <b>3.2 Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bài tập.</b>  | 30 |                          |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p><b>Bài tập 1:</b><br/>Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1</p> <p><b>a:</b> Bài văn giới thiệu những đổi mới của địa phương nào?<br/><b>b:</b> Kể lại những nét đổi mới nói trên.</p> <p><b>Bài tập 2:</b><br/>Gọi HS đọc yêu cầu bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hãy kể về những đổi mới ở xóm làng hoặc phố phường của em.</li> <li>- GV phân tích đề, giúp HS nắm vững yêu cầu:</li> </ul> <p><i>Cần phải nhận ra những đổi mới của xóm làng, phố phường nơi mình đang ở, có thể giới thiệu những nét đổi mới đó. Có thể chọn trong những đổi mới đó một hoạt động em thích nhất hoặc có ấn tượng nhất để giới thiệu.</i></p> <p><b>GV gợi ý HS nắm dàn ý :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét</li> </ul> |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu bài tập 1, cả lớp theo dõi trong SGK.</li> <li>- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời các câu hỏi</li> <li>- Những đổi mới của xã Vĩnh Sơn</li> <li>- Người dân Vĩnh Sơn trước chỉ quen phát rẫy làm nương, nay đây mai đó. Giò đã biết trồng lúa nước</li> <li>- Nghề nuôi cá phát triển.</li> <li>- Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện</li> <li>- HS đọc yêu cầu bài tập.</li> <li>- HS nối tiếp nhau đọc nội dung mình muốn giới thiệu.</li> <li>- Thực hành giới thiệu về những đổi mới ở địa phương.</li> <li>-Thực hành giới thiệu trong nhóm, thi trước lớp.</li> </ul> <p><b>Mở bài :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu chung về địa phương em đang sinh sống( tên, đặc điểm chung)</li> </ul> <p><b>Thân bài :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu những đổi mới ở địa phương</li> </ul> <p><b>Kết bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu kết quả đổi mới ở địa phương , cảm nghĩ của em về sự đổi mới</li> </ul> |
| <p><b>4. Cùng cố</b><br/>Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài?<br/>-Liên hệ GD: HS biết giữ gìn những nét văn hóa của địa phương mình<br/>-Nhận xét giờ học</p>   | 3 |  |
| <p><b>5. Dặn dò</b> Về nhà học bài và chuẩn bị bài: “<b>Trả bài văn miêu tả đồ vật</b>”.</p>  | 1 | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm  |

\*\*\*\*\*

**ĐỊA LÍ**

**TIẾT 20: ĐỒNG BẰNG NAM BỘ**

**I.MỤC TIÊU :**

**1. Kiến thức :**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, đất đai, sông ngòi của đồng bằng Nam Bộ:
- + Đồng bằng Nam Bộ là đồng bằng lớn nhất đất nước ta, do phù sa của hệ thống sông Mê Công và sông Đồng Nai bồi đắp.
- + Đồng bằng Nam Bộ có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Ngoài đất đai màu mỡ, đồng bằng còn nhiều đất phèn, đất mặn cần phải cải tạo.
- Chỉ được vị trí đồng bằng Nam Bộ , sông Tiền, sông Hậu trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.
- Quan sát hình, tìm, chỉ và kể tên một số sông lớn của đồng bằng Nam Bộ: sông Tiền, sông Hậu.
- Dành cho HS khá giỏi:
- + Giải thích vì sao ở nước ta sông Mê Công lại có tên là sông Cửu Long: Do sông đổ ra biển qua 9 cửa sông.
- + Giải thích vì sao ở đồng bằng Nam Bộ người dân không đắp đê ven sông: Để nước lũ đưa phù sa vào các cánh đồng

**2.Kĩ năng:**

- Trình bày những đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên đồng bằng Nam Bộ .

**3. Thái độ:**

Có ý thức tôn trọng, bảo vệ các thành quả lao động của con người

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- Bản đồ :Địa lí tự nhiên, hành chính VN.
- Tranh, ảnh về thiên nhiên của đồng bằng Nam Bộ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

| Hoạt động của giáo viên   | TG | Hoạt động của học sinh   |
|---|----|--|
| <b>1. Ổn định tổ chức lớp</b>   | 1  | Chuẩn bị đồ dùng học tập   |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br>Nêu vị trí và đặc điểm của thành phố Hải Phòng<br>GV nhận xét  | 4  | 2 hs nêu   |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Giới thiệu bài</b> Trong những bài học trước các em đã tìm hiểu và khám phá về đồng bằng Bắc Bộ. Hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu và khám phá về đồng bằng Nam Bộ   | 1  | HS nghe và ghi tên bài   |
| <b>3.2 1/.Đồng bằng lớn nhất của nước ta:</b><br><b>*Hoạt động1: Làm việc cả lớp:</b><br>-GV yêu cầu HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi:<br>+Đồng bằng Nam Bộ nằm ở phía nào của đất nước? Do các sông nào bồi đắp nên ?<br>+Đồng bằng Nam Bộ có những đặc điểm gì tiêu biểu (diện tích, địa hình, đất đai.)?<br><br>+Tìm và chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên VN vị trí đồng bằng Nam Bộ, Đồng Tháp Mười, | 10 | Nằm ở phía nam nước ta, do sông Mê Kông và sông Đồng Nai bồi đắp nên<br>+Diện tích gấp khoảng 3 lần diện tích đồng bằng Bắc Bộ<br>+ Địa hình:nhiều kênh rạch,có một số vùng trũng ngập nước như Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau.<br>+Đất đai : ngoài đất phù sa mỡ, còn có đất phèn, đất mặn cần phải cải tạo.<br>+ 2HS lên bảng chỉ bản đồ |

|  |    |  |
|--|----|--|
| Kiên Giang, Cà Mau, các kênh rạch .<br>GV nhận xét   |    |  |
| <b>2/.Mạng lưới sông ngòi ,kênh rạch chằng chịt:</b><br><b>*Hoạt động 2: Làm việc cá nhân:</b><br>GV cho HS quan sát SGK và trả lời câu hỏi:<br>+Tìm và kể tên một số sông lớn,kênh rạch của đồng bằng Nam Bộ.<br><br>+Nêu nhận xét về mạng lưới sông ngòi, kênh rạch của đồng bằng Nam Bộ (nhiều hay ít sông?)<br>-GV nhận xét và chỉ lại vị trí sông Mê Kông, sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai, kênh Vĩnh Tế ... trên bản đồ . | 10 | HS quan sát tranh , đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi.<br><br>- Sông Mê Kông, Sông Tiền, Sông Hậu, Sông Đồng Nai, kênh Vĩnh Tế , kênh Phụng Hiệp.<br>- Hệ thống sông ngòi chằng chịt  |
| <b>* Hoạt động3: Làm việc cá nhân</b><br>-Yêu cầu HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi :<br>+Vì sao ở đồng bằng Nam Bộ người dân không đắp đê ven sông ?<br><br>+Sông ở đồng bằng Nam Bộ có tác dụng gì ?<br><br>-GV mô tả thêm về cảnh lũ lụt vào mùa mưa, tình trạng thiếu nước ngọt vào mùa khô ở đồng bằng Nam Bộ .   | 7  | HS đọc thông tin SGK, quan sát tranh để trả lời câu hỏi :<br>+ Nhờ có biển hồ ở Cầm-pu-chia chứa nước vào mùa hè nên nước sông Mê- kông lên xuống điều hòa, nước lũ dâng cao từ từ, ít gây thiệt hại về nhà cửa, cuộc sống của người dân.<br>+Qua mùa lũ bồi thêm một lượng phù sa màu mỡ cho đồng bằng , có tác dụng thau chua rửa mặn. |
| <b>4. Củng cố</b><br>-GV cho HS so sánh sự khác nhau giữa đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ về các mặt địa hình, khí hậu , sông ngòi, đất đai .<br><br>-Cho HS đọc phần bài học trong khung.<br>- Nhận xét tiết học .   | 3  | -HS so sánh - HS khác nhận xét, bổ sung  |
| <b>5. Dặn dò</b> Về nhà xem lại bài và chuẩn bị trước bài: “ <b>Người dân ở đồng bằng Nam Bộ</b> ”.  | 1  | Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm  |

\*\*\*\*\*

## KHOA HỌC

### TIẾT 40 : BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG SẠCH

#### **I-MỤC TIÊU:**

##### **1. Kiến thức:**

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch : Thu gom , xử lí phân , rác , hợp lí , giảm khí thải , bảo vệ rừng và trồng cây ...

**2 Kỹ năng:**

- Làm những việc để bảo vệ bầu không khí trong sạch.
- Cam kết thực hiện bảo vệ bầu không khí trong sạch.
- Vẽ tranh cổ động tuyên truyền bảo vệ bầu không khí trong sạch.

**3. Thái độ:**

- HS yêu thích môn học, vận dụng vào cuộc sống

**II- ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Hình trang 80,81 SGK.Tư liệu, hình vẽ, tranh ảnh về hoạt động bảo vệ môi trường không khí (sưu tầm).
- Giấy A<sub>0</sub> cho các nhóm, bút màu cho mỗi học sinh.
- HS: SGK

**III-CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :**

| Hoạt động của giáo viên   | TG | Hoạt động của học sinh   |
|---|----|--|
| <b>1. Ôn định tổ chức lớp</b>   | 1  | Chuẩn bị đồ dùng học tập   |
| <b>2. Kiểm tra bài cũ</b><br>Những nguyên nhân nào gây ô nhiễm bầu không khí?<br>- Không khí bị ô nhiễm là như thế nào?<br>GV nhận xét  | 5  |  |
| <b>3. Bài mới</b><br><b>3.1 Giới thiệu bài</b><br>Bảo vệ bầu không khí trong sạch   | 1  | HS nghe và ghi tên bài   |
| <b>3.2Hoạt động 1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch</b><br>* <b>MT:</b> Nêu những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch<br>* <b>Tiến hành:</b><br>-HS làm việc theo cặp, quan sát hình trang 80, 81 SGK và trả lời câu hỏi.<br>- Yêu cầu HS quay mặt vào nhau, chỉ vào từng hình và nêu những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch?<br>-Gọi một số HS trình bày. | 15 | Làm việc theo cặp.<br><br>-Trình bày trước lớp<br>* <b>Những việc nên làm</b><br>+Hình 1: Các bạn làm vệ sinh lớp học để tránh bụi.<br>+Hình 2:Vứt rác vào thùng có nắp đậy, để tránh bốc ra mùi hôi thối và khí độc.<br>+Hình 3:Nấu ăn bằng bếp cải tiến tiết kiệm củi; khói và khí thải theo ống bay lên cao, tránh cho người đun bếp hít phải.<br>+Hình 5:Trường học có nhà vệ sinh hợp quy cách giúp hs đại tiện và tiểu tiện đúng nơi quy định và xử lý phân tốt không gây ô nhiễm môi trường.<br>+Hình 6:Cảnh thu gom rác ở thành phố làm đường phố sạch đẹp, tránh bị ô nhiễm |

|  |    |   |
|--|----|---|
| <p><b>-Kết luận:</b> Chống ô nhiễm không khí bằng cách</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thu gom và xử lý rác, phân hợp lí.</li> <li>-Giảm lượng khí thải độc hại của xe có động cơ chạy bằng xăng, dầu và giảm khói đun bếp..</li> <li>-Bảo vệ rừng và trồng nhiều cây xanh để giữ cho bầu không khí trong lành.</li> </ul> |    | <p>môi trường.<br/>+Hình 7:Trồng cây gây rừng là biện pháp tốt nhất để giữ cho bầu không khí trong sạch.<br/><b>*Những việc không nên làm</b><br/>+Hình 4:Nhóm bếp than tổ ong gây ra nhiều khói và khí thải độc hại.</p> |
| <p><b>Hoạt động 2: Liên hệ thực tế:</b><br/><b>* Mục tiêu:</b> HS nói những việc nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở địa phương em có bị ô nhiễm không khí không?</li> <li>-Em đã làm gì để bảo vệ bầu không khí trong sạch?</li> </ul>  | 13 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 vài HS trả lời</li> <li>- Quét sạch nhà cửa, lớp học, không xả rác bừa bãi...</li> </ul>   |
| <p><b>4. Cũng cố</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Em cần làm gì để bảo vệ bầu không khí trong sạch ?</li> <li>-Liên hệ GD: HS yêu thích môn học, có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.</li> <li>- Nhận xét giờ học</li> </ul>   | 3  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs nêu</li> </ul>  |
| <p><b>5. Dặn dò</b> Về nhà học bài<br/>Chuẩn bị bài: Âm thanh</p>  | 1  | <p>Hs nghe và ghi nhớ về nhà làm</p>  |

**SINH HOẠT LỚP  
TUẦN 20**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh nắm được ưu khuyết điểm trong tuần về các mặt hoạt động : Thực hiện nề nếp của trường , lớp .
- Đề ra biện pháp giúp đỡ học sinh thực hiện chưa tốt nội quy của lớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1, Lớp trưởng nhận xét đánh giá thi đua giữa các tổ về các mặt .**

- Nề nếp xếp hàng vào lớp, truy bài
- Lao động , vệ sinh cá nhân
- Học bài và làm bài khi đến lớp .
- Nói lời hay làm việc tốt
- \_ Xếp loại thi đua giữa các phân đội :
- Kiểm tra chuyên hệ

**2. Ý kiến các thành viên trong tổ**

- Nhận xét về hành vi của các bạn

**3. Phương hướng nhiệm vụ tuần sau**

- Tiếp tục tổ chức thi đua giữa các tổ theo tiêu chí thi đua
- Tổ chức đôi bạn cùng tiến giúp nhau trong học tập.
- Nói năng lễ phép văn minh , lịch sự
- Thực hiện tốt luật an toàn giao thông : đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy và xe đạp điện
- Thực hiện tốt các phong trào do Liên đội tổ chức
- Tích cực rèn chữ giữ vở .

**4.Ý kiến nhận xét . nhắc nhở của giáo viên chủ nhiệm**

- Nhận xét và tuyên dương các tổ, các cá nhân làm tốt công việc trong tuần .
- Nhắc nhở học sinh luyện viết chữ đẹp , ôn tập văn hóa
- Động viên HS tiếp tục luyện giải toán trên mạng thi cấp huyện
- Đăng kí không đốt pháo và tàng trữ chất gây nổ trong dịp Tết nguyên đán

**NHẬN XÉT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**TUẦN 21**

**TOÁN**

**TIẾT 101 : RÚT GỌN PHÂN SỐ**

**I.MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:**

Bước đầu biết rút gọn phân số, và nhận biết phân số tối giản.(trường hợp đơn giản)

**2 .Kĩ năng:**

Biết cách rút gọn phân số (trong các trường hợp đơn giản)

**3 .Thái độ:**

- HS biết vận dụng để tính đúng, tính nhanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1.Giáo viên :Bảng nhóm ghi nội dung BT2



2. Học sinh: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

| Hoạt động của giáo viên  | Tg (ph) | Hoạt động của học sinh   |
|--|---------|--|
| <p><b>1. Ôn định tổ chức :</b><br/>- HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>   | 1       | - HS thực hiện   |
| <p><b>2. Kiểm tra bài cũ :</b><br/>Phân số bằng nhau<br/>- GV yêu cầu 2HS lên bảng làm lại BT1,3<br/>- Hai phân số bằng nhau khi nào?<br/>GV nhận xét</p>  | 4       | - 2HS lên bảng sửa bài và trả lời câu hỏi<br>- HS cả lớp theo dõi nhận xét   |
| <p><b>3. Bài mới :</b><br/><b>3.1 Giới thiệu bài :</b><br/>Hôm nay cô cùng các em học bài :<br/>Rút gọn phân số</p>  | 1       | -HS lắng nghe nhắc lại bài   |
| <p><b>3.2 3.1. Hướng dẫn để HS hiểu thế nào là rút gọn phân số.</b><br/>- Cho phân số <math>\frac{10}{15}</math>, viết phân số bằng phân số <math>\frac{10}{15}</math> nhưng có tử số &amp; mẫu số bé hơn?<br/>- Sau khi HS nêu ý kiến, GV chốt: Theo tính chất cơ bản của phân số, có thể chuyển thành phân số có tử số &amp; mẫu số bé hơn như sau:<br/><math display="block">\frac{10}{15} = \frac{10:5}{15:5} = \frac{2}{3}</math><br/>- Tử số &amp; mẫu số của phân số <math>\frac{2}{3}</math> như thế nào so với phân số <math>\frac{10}{15}</math>? Hai phân số này so với nhau thì như thế nào?<br/><b>GV nêu :</b> Ta nói rằng phân số <math>\frac{10}{15}</math> đã được <b>rút gọn</b> thành phân số <math>\frac{2}{3}</math><br/>- GV nêu nhận xét: <b>Có thể rút gọn phân số để được một phân số có tử số &amp; mẫu số bé đi mà phân số mới vẫn bằng phân số đã cho.</b><br/>- Yêu cầu HS nhắc lại nhận xét trên.<br/>- GV yêu cầu HS rút gọn phân số <math>\frac{6}{8}</math> rồi giới thiệu phân số <math>\frac{3}{4}</math> không thể rút gọn được nữa (vì 3 &amp; 4 không cùng chia hết cho một số tự nhiên nào)</p> | 30      | - HS làm vở nháp<br>- 1 vài HS lên làm bảng lớp<br>$\frac{10}{15} = \frac{10:5}{15:5} = \frac{2}{3}$<br><br>- Tử số & mẫu số của phân số $\frac{2}{3}$ bé hơn tử số & mẫu số của phân số $\frac{10}{15}$<br>- Hai phân số này bằng nhau<br><br>- Vài HS nhắc lại |

|  |   |
|--|---|
| <p>lớn hơn 1) nên ta gọi <math>\frac{3}{4}</math> là <b>phân số tối giản</b>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương tự, yêu cầu HS rút gọn phân số <math>\frac{18}{54}</math></li> <li>- Yêu cầu HS trao đổi trong nhóm để xác định các bước của quá trình rút gọn phân số rồi nêu như SGK</li> <li>- Yêu cầu HS nhắc lại các bước rút gọn phân số?</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm vở nháp</li> </ul> $\frac{6}{8} = \frac{6 : 2}{8 : 2} = \frac{3}{4}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vài HS nhắc lại</li> <li>- HS thực hiện</li> </ul> $\frac{18}{54} = \frac{18 : 18}{54 : 18} = \frac{1}{3}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trao đổi nhóm &amp; nêu kết quả thảo luận</li> <li>- Rút gọn phân số theo hai bước:<br/> <b>Bước 1:</b> tìm số tự nhiên lớn hơn 1, sao cho cả tử số và mẫu số của phân số đều chia hết cho số đó.<br/> <b>Bước 2:</b> Chia cả tử số và mẫu số của phân số cho số đó.<br/>                     Cứ làm như thế cho đến khi nhận được phân số tối giản.</li> </ul>  |
| <p><b>3.2. Thực hành</b><br/> <b>Bài tập 1a</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu bài 1</li> <li>- Yêu cầu HS làm bảng con + 2HS lên bảng lớp</li> </ul> <p>Lưu ý: <b>Khi rút gọn phân số phải thực hiện cho đến lúc nhận được phân số tối giản.</b></p> <p>GV cùng HS sửa bài nhận xét.</p> <p><b>Bài tập 1b:</b> GV yêu cầu HS làm bài vào vở</p> <p>GV chấm một số vở nhận xét.</p> <p><b>Bài tập 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu bài</li> <li>- Cho HS chơi trò chơi “Thi đua giải</li> </ul> | <p>HS đọc yêu cầu bài 1, làm bài vào bảng con + 2HS lên bảng lớp.</p> $a) \frac{4}{6} = \frac{4 : 2}{6 : 2} = \frac{2}{3}; \quad \frac{12}{8} = \frac{12 : 4}{8 : 4} = \frac{3}{2}$ $\frac{15}{25} = \frac{15 : 5}{25 : 5} = \frac{3}{5}; \quad \frac{11}{22} = \frac{11 : 11}{22 : 11} = \frac{1}{2}$ $\frac{36}{10} = \frac{36 : 2}{10 : 2} = \frac{18}{5}; \quad \frac{75}{36} = \frac{75 : 3}{36 : 3} = \frac{25}{12}$ <p>b) HS làm bài vào vở.</p> $\frac{5}{10} = \frac{5 : 5}{10 : 5} = \frac{1}{2}; \quad \frac{12}{36} = \frac{12 : 12}{36 : 12} = \frac{1}{3}$ $\frac{9}{72} = \frac{9 : 9}{72 : 9} = \frac{1}{8}; \quad \frac{75}{300} = \frac{75 : 75}{300 : 75} = \frac{1}{4}$ $\frac{15}{35} = \frac{15 : 5}{35 : 5} = \frac{3}{7}; \quad \frac{4}{100} = \frac{4 : 4}{100 : 4} = \frac{1}{25}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu bài, thảo luận nhanh trong nhóm, cử đại diện thi đua.</li> <li>a) Phân số tối giản là: <math>\frac{1}{3}; \frac{4}{7}; \frac{72}{73}</math> vì tử số</li> </ul> |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>nhanh”</p> <p>GV cùng HS nhận xét – tuyên dương.</p> <p><b>Bài tập 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc yêu cầu bài</li> <li>- Cho HS chơi trò chơi “Thi tìm nhanh kết quả đúng”</li> </ul> <p>GV cùng HS nhận xét – tuyên dương</p> |   | <p>và mẫu số của mỗi phân số đó không chia hết cho cùng một số tự nhiên khác 0.</p> <p>b) Rút gọn:</p> $\frac{8}{12} = \frac{8:4}{12:4} = \frac{2}{3}; \quad \frac{30}{36} = \frac{30:6}{36:6} = \frac{5}{6}$ <p>- HS đọc yêu cầu bài, thảo luận cặp đôi tìm ra kết quả đúng, tham gia trò chơi.</p> <p>Kết quả đúng:</p> $\frac{54}{72} = \frac{27}{36} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$ |
| <p><b>4.Củng cố :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu cách rút gọn phân số?</li> <li>- Nhận xét giờ học</li> </ul>   | 3 | -HS nêu  |
| <p><b>5.Dặn dò:</b></p> <p>Chuẩn bị bài: <b>Luyện tập</b></p>   | 1 | Học sinh thực hiện   |

\*\*\*\*\*

## TẬP ĐỌC

### TIẾT 41 :ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN ĐẠI NGHĨA

#### I MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với ND,tự hào, ca ngợi
- Nội dung : Ca ngợi Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước.

##### 2. Kỹ năng

Đọc trôi chảy, lưu loát toàn bài.

- Chú ý đọc rõ các chỉ số thời gian, các từ phiên âm tiếng nước ngoài : 1935, 1946, 1948, 1952, súng ba-dô-ca, B.52.
- Biết đọc bài với giọng kể rõ ràng, chậm rãi, đầy cảm hứng ca ngợi nhà khoa học đã có những cống hiến xuất sắc cho đất nước. Nhấn giọng khi đọc các danh hiệu cao quý Nhà nước đã trao tặng cho Trần Đại Nghĩa.

##### 3. Thái độ

- Bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương đất nước qua những con người đã hi sinh cả cuộc đời của mình cho đất nước.

#### II/ ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

- Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK + ảnh chân dung anh hùng Trần Đại Nghĩa.
- Các bức ảnh chụp về cảnh tiêu diệt xe tăng, bắn gục pháo đài bay B.52 .

#### III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

| Hoạt động của giáo viên  | Tg (ph) | Hoạt động của học sinh   |
|--|---------|--|
| <p><b>1.Ôn định tổ chức :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</li> </ul>                                    | 1       | - HS thực hiện   |
| <p><b>2.Kiểm tra bài cũ :</b></p> <p><b>Trống đồng Đông Sơn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 2 HS lên bảng đọc bài và trả lời</li> </ul> | 3       | 2 HS lên bảng đọc bài và trả lời câu hỏi<br>HS cả lớp theo dõi nhận xét. |

|   |    |   |
|---|----|---|
| <p>câu hỏi SGK<br/>GV nhận xét</p>  |    |   |
| <p><b>3. Bài mới :</b><br/><b>3.1 Giới thiệu bài :</b><br/>GV treo ảnh chân dung Trần Đại Nghĩa giới thiệu: Đất nước Việt Nam ta đã sinh ra nhiều anh hùng đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tên tuổi của họ được nhớ mãi. Một trong những anh hùng ấy là Giáo sư Trần Đại Nghĩa. Qua bài học hôm nay, các em sẽ hiểu thêm về sự nghiệp của con người tài năng này của dân tộc.</p>   | 1  | <p>-HS lắng nghe nhắc lại bài<br/>HS quan sát ảnh chân dung anh hùng Trần Đại Nghĩa.<br/>HS chú ý nghe.</p>   |
| <p><b>3.2. Hướng dẫn HS luyện đọc</b><br/>- GV chia đoạn<br/>- GV kết hợp sửa lỗi phát âm sai, ngắt nghỉ hơi chưa đúng hoặc giọng đọc không phù hợp<br/>- GV yêu cầu HS đọc thầm phần chú thích các từ mới ở cuối bài đọc<br/>* Yêu cầu HS đọc lại toàn bài<br/>* GV đọc diễn cảm toàn bài : giọng kể rõ ràng, chậm rãi, với cảm hứng ca ngợi. Nhấn giọng khi đọc các danh hiệu cao quý Nhà nước đã trao tặng cho Trần Đại Nghĩa.</p>   | 10 | <p>4 HS nối tiếp nhau đọc từng đoạn của bài( mỗi lần xuống dòng là một đoạn)( 2 lượt)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thầm phần chú giải từ mới.</li> <li>- HS luyện đọc theo cặp</li> <li>- 1 HS đọc lại toàn bài</li> <li>- HS nghe</li> </ul>  |
| <p><b>3.3. Tìm hiểu bài</b><br/>GV chia lớp thành 4 nhóm để các em đọc thầm bài và trả lời câu hỏi.<br/><b>1</b> :Nói lại tiểu sử của Trần Đại Nghĩa trước khi theo Bác Hồ về nước?<br/><br/>Đoạn 1 cho biết điều gì?<br/><br/><b>2</b> : Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có đóng góp gì lớn trong kháng chiến ?<br/><br/><b>3</b>: Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có đóng góp gì to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ?<br/><br/>Đoạn 2, 3 cho biết điều gì?<br/><br/><b>4</b> : Nhà nước đánh giá cao những cống hiến của ông Trần Đại Nghĩa như thế nào?</p> | 11 | <p>Các nhóm đọc thầm bài, thảo luận trong nhóm - đại diện nhóm trả lời câu hỏi<br/>- Trần Đại Nghĩa tên thật là Phạm Quang Lễ. Sau khi học xong bậc trung học ở Sài Gòn, năm 1935, ông sang Pháp học đại học. Ông theo học cả ba ngành . . . . . vũ khí.<br/><b>Ý đoạn 1:</b> Giới thiệu tiểu sử nhà khoa học Trần Đại Nghĩa trước năm 1946.<br/>+ Ông cùng anh em chế tạo ra những loại vũ khí có sức công phá lớn : súng ba-do-ca, súng không giật để tiêu diệt xe tăng và lô cốt giặc .<br/>+ Ông có công lớn trong việc xây dựng nền khoa học trẻ tuổi của nước nhà. Nhiều năm liền, giữ cương vị Chủ nhiệm Ủy ban khoa học và Kỹ thuật nhà nước.<br/><b>Ý đoạn 2,3:</b> Những đóng góp của giáo sư Trần Đại Nghĩa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.<br/>+ Năm 1948, ông được phong Thiếu tướng, Năm 1952 ông được tuyên dương Anh hùng Lao động. Được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý.</p> |